

Số: 39

Ngày 30/9/2024

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 39 có các nội dung đáng chú ý sau:

- Nghị định 116/2024/NĐ-CP người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: Có kết quả điểm thi vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên. Trường hợp thi kết hợp viết và phỏng vấn thì phải dự thi đủ cả 02 bài thi (viết và phỏng vấn) và có kết quả đạt từ 50% trở lên điểm tối đa của mỗi bài thi; có kết quả điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm, kể cả đối với vị trí việc làm được tuyển dụng chung cho nhiều cơ quan sử dụng công chức khác nhau.
- Nghị định 117/2024/NĐ-CP phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng về tình hình hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.
- Theo Quyết định số 1017/QĐ-TTg, Chính phủ đặt mục tiêu đến năm 2030 đào tạo ít nhất 50.000 nhân lực có trình độ từ đại học trở lên phục vụ ngành công nghiệp bán dẫn.
- Dự thảo chính sách: Bản tin giới thiệu dự thảo Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý và dự thảo Thông tư về Khung năng lực số áp dụng cho người học trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Xin trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC

Ngày 17/9/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 116/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức. Sau đây là một số nội dung đáng chú ý:

Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: Có kết quả điểm thi vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên. Trường hợp thi kết hợp viết và phỏng vấn thì phải dự thi đủ cả 02 bài thi (viết và phỏng vấn) và có kết quả đạt từ 50% trở lên điểm tối đa của mỗi bài thi; có kết quả điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm, kể cả đối với vị trí việc làm được tuyển dụng chung cho nhiều cơ quan sử dụng công chức khác nhau.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định trên bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau: Người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn; người có số điểm của bài thi viết ở vòng 2 cao hơn trong trường hợp lựa chọn hình thức kết hợp viết và phỏng vấn; người đạt kết quả kiểm định chất lượng đầu vào công chức và được

miễn thi vòng 1; người có kết quả kiểm định chất lượng đầu vào công chức cao hơn trong trường hợp cùng được miễn thi vòng 1; người có số câu trả lời đúng môn kiến thức chung ở vòng 1 nhiều hơn trong trường hợp cùng dự thi vòng 1.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 17/9/2024.

2. PHẠT TIỀN ĐẾN 3 TRIỆU ĐỒNG ĐỐI VỚI HÀNH VI BÁO CÁO KHÔNG ĐÚNG VỀ TÌNH HÌNH HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÁP LUẬT VÀ CẢI CÁCH TƯ PHÁP

Ngày 18/09/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 117/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Hành vi vi phạm quy định về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp được quy định như sau: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng về tình hình hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Không báo cáo về tình hình hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp theo quy định; không báo cáo kết quả chương trình, dự án hợp tác về pháp luật và cải cách tư pháp; kết quả tổ chức hội

nghi, hội thảo quốc tế về pháp luật theo quy định.

Hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên; đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân; đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được quy định như sau: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên; đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân; đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản; hình thức xử phạt bổ sung bao gồm tịch thu tang vật là giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung đối với hành vi vi phạm trên ...

Nghị định có hiệu lực từ ngày 15/11/2024.

3. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐỐI VỚI CÁC HỢP TÁC XÃ

Ngày 12/9/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 113/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

Cụ thể, chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực đối với các tổ chức hợp tác xã: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực; ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí chi trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở

đào tạo; hỗ trợ kinh phí ăn, ở cho học viên ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng nơi tổ chức khóa học cho thành viên, người lao động trong tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tham gia khóa học trong nước. Đối với khóa bồi dưỡng ở nước ngoài, thành viên, người lao động trong tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được Nhà nước hỗ trợ như đối với cán bộ, công chức, viên chức; ngân sách Nhà nước chi trả 100% kinh phí đối với công chức, viên chức cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể, hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam, các hiệp hội, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng ...

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ngừng hoạt động cho vay nội bộ trong các trường hợp sau: Khi có nợ quá hạn vượt quá 5% tổng dư nợ, thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải ngừng cho vay nội bộ để có biện pháp thu hồi nợ vay quá hạn. Khi tỷ lệ nợ quá hạn dưới 5% thì tiếp tục hoạt động cho vay nội bộ; trong quá trình thực hiện cho vay nội bộ, nếu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không đáp ứng được các điều kiện quy định, thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải ngừng cho vay nội bộ cho đến khi đáp ứng đủ các điều kiện mới được tiếp tục hoạt động; hợp đồng cho vay nội bộ đã được ký trước ngày hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ngừng hoạt động cho vay nội bộ, thì các bên tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng nhưng không được gia hạn hợp đồng.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/11/2024.

4. THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN”, “NGHỆ NHÂN ƯU TÚ” TRONG LĨNH VỰC NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ LẦN THỨ 5

Ngày 19/9/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1010/QĐ-TTg Về việc thành lập Hội đồng cấp Nhà nước xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ lần thứ 5.

Hội đồng gồm 11 thành viên, bao gồm 01 Chủ tịch Hội đồng, 02 Phó chủ tịch Hội đồng và 08 thành viên Hội đồng.

Hội đồng có nhiệm vụ giúp Thủ tướng Chính phủ tổ chức xét, lựa chọn những cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ lần thứ 5.

Bộ Công Thương là Cơ quan thường trực của Hội đồng. Hội đồng có Tổ Thư ký giúp việc do Bộ trưởng Bộ Công Thương thành lập và được sử dụng con dấu của Bộ Công Thương để giải quyết công việc. Thành viên Hội đồng và Tổ Thư ký làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Quy chế hoạt động của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định. Kinh phí hoạt động và tổ chức xét tặng của Hội đồng thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” do ngân sách nhà nước cấp trong kinh phí hoạt động của Bộ Công Thương. Hội

đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan và các thành viên Hội đồng có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

5. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030 ĐÀO TẠO ÍT NHẤT 50.000 NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TRỞ LÊN PHỤC VỤ NGÀNH CÔNG NGHIỆP BÁN DẪN

Ngày 21/09/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1017/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình "Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050".

Chương trình Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đặt mục tiêu đến năm 2030 cụ thể như sau:

Đào tạo ít nhất 50.000 nhân lực có trình độ từ đại học trở lên phục vụ ngành công nghiệp bán dẫn, trong đó: Đào tạo ít nhất 42.000 kỹ sư, cử nhân; có ít nhất 7.500 học viên thạc sĩ và 500 nghiên cứu sinh; đào tạo ít nhất 15.000 nhân lực trong công đoạn thiết kế, ít nhất 35.000 nhân lực trong công đoạn sản xuất, đóng gói, kiểm thử và các công đoạn khác của ngành công nghiệp bán dẫn; đào tạo ít nhất 5.000 nhân lực có chuyên môn sâu về trí tuệ nhân tạo phục vụ ngành công nghiệp bán dẫn; đào tạo chuyên sâu về công nghiệp bán dẫn cho 1.300 giảng viên của Việt Nam giảng dạy tại các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở hỗ trợ đào

tạo và doanh nghiệp; căn cứ khả năng cân đối, ngân sách Nhà nước hỗ trợ đầu tư để hình thành, nâng cấp và hiện đại hóa 04 phòng thí nghiệm bán dẫn dùng chung cấp quốc gia và các phòng thí nghiệm bán dẫn cấp cơ sở phục vụ đào tạo nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn tại khoảng 18 cơ sở giáo dục đại học công lập ở 03 miền Bắc, Trung và Nam.

Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù để thúc đẩy hợp tác các bên Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp, với một số định hướng chính sách gồm: Đơn giản hóa thủ tục hành chính, ưu đãi về đầu tư, tài chính, kế toán, thuế để bảo đảm thuận lợi trong việc đầu tư, hỗ trợ, tài trợ kinh phí đào tạo, nghiên cứu và phát triển, thương mại hóa công nghệ, ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp để phát triển nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn tại các viện nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở hỗ trợ đào tạo.

Xây dựng mô hình hợp tác hiệu quả giữa 3 Nhà: Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp, trong đó quy định rõ quyền lợi, trách nhiệm trong công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm làm đầu mối điều phối, theo dõi, đánh giá quá trình triển khai Chương trình; định kỳ hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo quốc gia về phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trong đó đề xuất giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc (nếu có); trình Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh mục

tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình để đáp ứng yêu cầu phát triển ngành công nghiệp bán dẫn ở Việt Nam.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 21/09/2024.

6. XỬ LÝ CÁN BỘ VÀ CHIẾN SỸ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG VI PHẠM NỒNG ĐỘ CÒN KHI LÁI XE

Ngày 17/9/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị 35/CT-TTg về xử lý cán bộ, công chức, viên chức và chiến sỹ trong lực lượng vũ trang vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn; không hợp tác với lực lượng chức năng trong xử lý vi phạm. Cụ thể như sau:

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Phải xác định việc phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, đi đầu của cán bộ trong chấp hành pháp luật về giao thông có ý nghĩa rất quan trọng để định hình lại thói quen chấp hành pháp luật, trước hết là pháp luật giao thông, cũng như các quy định khác của pháp luật trong toàn xã hội.

Khi có thông báo của cơ quan chức năng về việc cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý vi phạm nồng độ cồn, không hợp tác với lực lượng chức năng trong xử lý vi phạm, cơ quan quản lý cán bộ căn cứ quy định của pháp luật về kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức và quy định riêng của cơ quan, đơn vị

phải thực hiện quy trình xử lý nghiêm theo quy định.

Xem xét trách nhiệm của thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ, công chức, viên chức có nhiều người vi phạm nồng độ cồn, không chấp hành hiệu lệnh, yêu cầu của lực lượng thực thi công vụ hoặc xử lý không nghiêm minh, chưa kịp thời cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền quản lý.

Bộ trưởng Bộ Công an chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương trong quá trình tuần tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về giao thông phải tuân thủ tinh thần “thượng tôn pháp luật”, “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, đồng thời: Xử lý kỷ luật nghiêm đối với cán bộ không xử lý triệt để, bỏ qua lỗi vi phạm trong quá trình xử lý vi phạm hành chính về giao thông;

đối với các trường hợp điều khiển phương tiện vi phạm giao thông liên quan đến nồng độ cồn gây tai nạn giao thông, có hành vi chống đối, gây rối trật tự công cộng, cản trở hoạt động thực thi nhiệm vụ của các lực lượng chức năng, phải khẩn trương củng cố hồ sơ, điều tra, phối hợp với các cơ quan Viện kiểm sát, Tòa án xử lý nghiêm theo đúng quy định của pháp luật.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tổ chức quán triệt, chấn chỉnh trong toàn quân về việc gương mẫu chấp hành nghiêm quy định của pháp luật khi tham gia giao thông, nhất là không điều khiển phương tiện giao thông sau khi sử dụng rượu, bia và chấp hành việc kiểm tra, xử lý của các lực lượng chức năng.

Chi thị này có hiệu lực thi hành từ ngày 17/9/2024.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

7. TIÊU CHUẨN XÉT THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Ngày 23/9/2024, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư 12/2024/TT-BTTTT quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

Tiêu chuẩn, điều kiện chung dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông: Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển

dụng, sử dụng và quản lý viên chức, được sửa đổi tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Trong danh mục vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập cử dự xét thăng hạng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng quy định pháp luật có vị trí việc làm ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức dự xét thăng hạng. Được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng theo quy định.

Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng I, Mã số: V.11.01.01: Đang giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II, Mã số: V.11.01.02.

Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II không liên tục thì được cộng dồn).

Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia biên tập ít nhất 02 tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc chủ trì ít nhất 02 đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp bộ, cấp tỉnh trở lên mà cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 07/11/2024.

8. NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG DANH MỤC THỰC PHẨM, PHỤ GIA THỰC PHẨM ĐƯỢC XÁC ĐỊNH SỐ HÀNG HÓA

Ngày 19/9/2024, Bộ Y tế đã ra Thông tư 15/2024/TT-BYT ban hành Danh mục thực phẩm, phụ gia thực phẩm và dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm đã được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam phải kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

Nguyên tắc áp dụng Danh mục như sau: Trường hợp có sự khác biệt, không thống nhất trong việc phân loại và xác định mã số hàng hóa đối với các hàng hóa thuộc Danh mục ban hành kèm theo Thông tư 15/2024/TT-BYT, việc xác định mã số hàng hóa thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan; đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm chưa được liệt kê và xác định mã số hàng hóa trong Danh mục ban hành kèm theo Thông tư 15/2024/TT-BYT, việc xác định mã số hàng hóa thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan. Sau khi thông quan, các tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu có văn bản gửi về Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm) để làm cơ sở phối hợp với Bộ Tài chính xem xét thống nhất, cập nhật và ban hành Danh mục bổ sung.

Việc kiểm tra Nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu đối với

hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế theo quy định tại Điều 37 Nghị định 15/2018/NĐ-CP được thực hiện như sau:

Đối với hàng hóa có tên trong Danh mục: Thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật an toàn thực phẩm và Điều 16 Nghị định 15/2018/NĐ-CP; đối với hàng hóa không thuộc Danh mục nhưng không đạt yêu cầu trong các lần thanh tra, kiểm tra (nếu có) hoặc có cảnh báo của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài hoặc của nhà sản xuất: áp dụng phương thức kiểm tra chặt theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 17 Nghị định 15/2018/NĐ-CP.

Đối với Phụ gia thực phẩm hỗn hợp mà thành phần có từ hai chất phụ gia thực phẩm trở lên có tên trong Danh mục, mã HS của hàng hóa được xác định theo sáu quy tắc phân loại tổng quát ban hành kèm theo Thông tư 31/2022/TT-BTC.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 02/11/2024.

9. QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG TƯ VẤN HỌC SINH

Ngày 18/9/2024, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 11/2024/TT-BGDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức tư vấn học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập.

Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp gồm có: Chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành; trung thực, khách quan, có ý thức trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm; giữ gìn phẩm chất, đạo đức, danh dự, uy tín của viên chức; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp và học sinh; thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; biết lắng nghe, cảm thông, chia sẻ, bảo mật thông tin cá nhân và bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của học sinh; thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ chung của viên chức và quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ của viên chức tư vấn học sinh hạng III là: Tham mưu xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tư vấn học sinh của nhà trường; báo cáo định kỳ, thường xuyên theo quy định; quản lý, theo dõi hệ thống hồ sơ, sổ sách liên quan đến công tác tư vấn học sinh; thực hiện các hoạt động tư vấn, hỗ trợ cho học sinh khi gặp vấn đề khó khăn về nhận thức, cảm xúc, hành vi và các mối quan hệ xã hội ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất ...

Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn của viên chức tư vấn học sinh hạng III bao gồm: Hiểu biết về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành đối với công tác tư vấn học sinh; có khả năng tham mưu xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động tư vấn học sinh của nhà trường theo kế hoạch; nhận biết được đặc điểm tâm lý, sinh lý lứa tuổi, sức khỏe của

học sinh; nhận diện được tính đa dạng và tính nhạy cảm của đối tượng cần tư vấn, hỗ trợ;..

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 04/11/2024.

10. SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ, ĐỊA LÝ

Ngày 20/9/2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư 15/2024/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của các Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý. Thành phần định mức lao động của Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý gồm:

Nội dung công việc: Liệt kê mô tả nội dung công việc, các thao tác cơ bản, thao tác chính để thực hiện công việc;

Xác định điều kiện chuẩn (phân loại khó khăn): Xác định các yếu tố cơ bản như địa hình, địa vật, giao thông, địa chất và các điều kiện khác liên quan đến thực hiện công việc; xác định các mức khó khăn khác với điều kiện chuẩn;

Định biên: Mô tả vị trí việc làm của từng lao động trong từng bước công việc đến khi tạo ra sản phẩm. Trên cơ sở đó xác định số lượng và cấp bậc lao động cụ thể để thực hiện từng nội dung của từng công đoạn

của công việc trong chu trình lao động đến khi hoàn thành sản phẩm;

Định mức: Thời gian lao động trực tiếp cần thiết để hoàn thành một sản phẩm và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành; đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/01 đơn vị sản phẩm.

Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp trong Định mức kinh tế - kỹ thuật đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:100.000 tính như sau: Mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương bằng định mức lao động kỹ thuật trực tiếp nhân với tỷ lệ 34/312; mức thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương được áp dụng đối với tất cả các bước công việc.

Bổ sung Quy định về sử dụng định mức đối với Định mức kinh tế - kỹ thuật thu nhận và xử lý dữ liệu ảnh số từ tàu bay không người lái phục vụ xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2000, 1:5000 và thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1:1000 gồm: Định mức dụng cụ lao động; định mức sử dụng máy móc, thiết bị; định mức tiêu hao vật liệu; định mức tiêu hao năng lượng; định mức tiêu hao nhiên liệu.

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 06/11/2024.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

1. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN THỦ TỤC BIÊN PHÒNG ĐIỆN TỬ CỬA KHẨU BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN BẢNG TÀI KHOẢN VNEID

Để thống nhất với các văn bản pháp luật hiện hành và đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền, tiếp tục đẩy

mạnh cải cách thủ tục hành chính theo chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng tham gia thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền; Bộ Quốc phòng đã xây dựng dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý. Toàn văn dự thảo đang được gửi văn bản lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan; đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Quốc phòng để lấy ý kiến Nhân dân hoàn thiện dự thảo trước khi trình Chính phủ xem xét, ban hành.

Dự thảo Quyết định quy định thực hiện thủ tục biên phòng điện tử đối với người, người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh tại cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên biên giới đất liền; tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến và rời cửa khẩu cảng; cấp thị thực tại các cửa khẩu quốc tế biên giới đất liền và cửa khẩu cảng do Bộ Quốc phòng quản lý. Theo đó, dự thảo đề xuất người làm thủ tục khai báo hồ sơ biên phòng điện tử và nhận xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền bằng tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử hoặc bằng tài khoản VNeID được tạo lập và xác thực theo quy định của pháp luật tại bất kỳ nơi nào có thể truy cập Internet. Người làm thủ tục sử dụng tài khoản VNeID đã kết

nối, tích hợp trên Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử để đăng nhập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử để thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền theo quy định...

Trong thời gian hoàn thiện tích hợp tài khoản định danh điện tử trên Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử theo quy định, người làm thủ tục sử dụng tài khoản được tap lập bởi Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử để thực hiện thủ tục biên phòng điện tử biên giới đất liền. Sau khi hoàn thành tích hợp tài khoản định danh điện tử trên Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử, người làm thủ tục sử dụng tài khoản VNeID để thực hiện thủ tục.

2. DỰ THẢO KHUNG NĂNG LỰC SỐ ÁP DỤNG CHO NGƯỜI HỌC TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

Bộ Giáo dục và Đào tạo đang lấy ý kiến đối với dự thảo Thông tư về Khung năng lực số áp dụng cho người học trong hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây gọi tắt là Khung năng lực số) sử dụng cho các chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, các cơ sở đào tạo, các tổ chức đánh giá năng lực số, các cơ sở giáo dục và người học trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Khung năng lực số là khung tham chiếu về tiêu chuẩn và hướng dẫn cho việc phát triển các năng lực số để các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân xác định nội dung, phương thức giúp người học có được năng lực số phù hợp đối với từng cấp học, bậc học; giúp người học phát triển các kỹ năng cần thiết

để sử dụng công nghệ một cách hiệu quả, sẵn sàng đối mặt với những thách thức và cơ hội trong thế giới số hóa và là nền tảng cho việc học tập suốt đời... Năng lực số là khả năng sử dụng công nghệ số để hoàn thành một nhiệm vụ cụ thể hoặc để giải quyết một vấn đề trong môi trường làm việc hoặc học tập.

Cấu trúc khung năng lực số bao gồm 6 miền năng lực với 24 năng lực thành phần, được chia thành 4 trình độ với 8 cấp độ từ cơ bản đến chuyên gia. Sáu miền năng lực gồm có: Khai thác dữ liệu và thông tin; Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số; Sáng tạo nội dung số; An toàn; Giải quyết vấn đề; Sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh. Ba miền năng lực đầu tiên của Khung năng lực số có thể xác định thông qua các hoạt

động cụ thể và thông qua việc sử dụng công nghệ. Trong khi đó miền năng lực 4 và 5 (An toàn và Giải quyết vấn đề) có thể áp dụng vào tất cả các hoạt động được thực hiện thông qua các phương tiện kỹ thuật số. Miền năng lực thứ 6 tập trung về năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh có đạo đức và trách nhiệm. Các yếu tố của giải quyết vấn đề hiện diện ở tất cả các miền năng lực cụ thể và được xác định là thành tố quan trọng trong việc sử dụng công nghệ và thực hành kỹ thuật số.

Toàn văn dự thảo đang được Bộ Giáo dục và Đào tạo đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ để lấy ý kiến Nhân dân hoàn thiện dự thảo trước khi ban hành.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Các trường hợp nào được tuyển dụng vào công chức không phải thực hiện chế độ tập sự?

Trả lời: Theo khoản 13 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 17/9/2024 quy định các trường hợp được tuyển dụng vào công chức không phải thực hiện chế độ tập sự nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Được bố trí làm việc theo đúng ngành, nghề đào tạo và theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm;

b) Thời gian công tác làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm theo đúng quy

định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu không liên tục thì được cộng dồn), bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự tương ứng với thời gian tập sự của ngạch được tuyển dụng quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp đáp ứng điều kiện tại điểm a khoản này nhưng chưa đủ thời gian tập sự tương ứng với thời gian tập sự của ngạch được tuyển dụng quy định tại khoản 2 Điều này thì thời gian đã công tác được tính vào thời gian tập sự. Trường hợp thời gian công tác lớn hơn thời gian tập sự thì khoảng thời gian công tác còn lại sau khi trừ đi thời gian tập sự tương ứng với thời gian tập sự của

ngạch được tuyển dụng quy định tại khoản 2 Điều này được tính vào thời gian xét nâng bậc lương.

Đối với trường hợp không phải thực hiện chế độ tập sự được bổ nhiệm vào ngạch khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn của ngạch và được xếp lương theo vị trí việc làm được tuyển dụng. Các khoản phụ cấp được hưởng theo quy định của pháp luật. Cấp có thẩm quyền phải cử công chức tham gia bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức được tuyển dụng.

2. Hỏi: Điều kiện về tuổi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với công chức?

Trả lời: Theo khoản 28 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 17/9/2024 quy định điều kiện về tuổi bổ nhiệm như sau:

- Công chức được đề nghị bổ nhiệm lần đầu giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý hoặc đề nghị bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý cao hơn thì phải đủ tuổi để công tác trọn thời hạn bổ nhiệm. Thời điểm tính tuổi bổ nhiệm thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Công chức được bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh mới tương đương hoặc thấp hơn chức vụ, chức danh đang giữ thì không tính tuổi bổ nhiệm theo quy định tại điểm a khoản này.

3. Hỏi: Trường hợp công chức đã được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo,

quản lý mà có sự thay đổi tiêu chuẩn về trình độ đào tạo thì phải hoàn thiện trong thời gian bao lâu?

Trả lời: Theo khoản 3 Điều 3 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 17/9/2024 quy định trường hợp công chức đã được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý mà có sự thay đổi tiêu chuẩn về trình độ đào tạo thì phải hoàn thiện trong thời hạn 36 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp tính đến tuổi nghỉ hưu còn dưới 36 tháng. Trong thời hạn này vẫn thực hiện việc điều động, bổ nhiệm chức vụ tương đương, bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ theo quy định.

4. Hỏi: Các trường hợp tạm đình chỉ công tác đối với công chức?

Trả lời: Theo khoản 45 Điều 3 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 17/9/2024 quy định công chức có thể bị tạm đình chỉ công tác trong các trường hợp sau:

- Có hành vi vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống gây ảnh hưởng tiêu cực, bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân;

- Có hành vi những nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong quá trình thực thi công vụ;

- Có tình trì hoãn, dùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Đang bị xem xét, xử lý kỷ luật mà cố ý không thực hiện yêu cầu của cấp có thẩm quyền trong quá trình xem xét, xử lý vi phạm của bản thân hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, ảnh hưởng của mình, của người khác để tác động, gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý hoặc nếu để tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý kỷ luật;

- Đã bị xử lý kỷ luật đảng và đang trong thời gian chờ xem xét, xử lý chức vụ chính quyền mà nếu tiếp tục công tác sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Có văn bản đề nghị tạm đình chỉ công tác của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, các cơ quan tiến hành tố tụng hoặc của cơ quan khác có thẩm quyền;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật./.